

Số: 220 /KH-MNTK

Quận 7, ngày 04 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số
của Trường Mầm non Tân Kiểng giai đoạn 2022 – 2025,
định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”;

Thực hiện Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025.

Căn cứ kế hoạch số 2353/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025.

Căn cứ kế hoạch số 2353/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 7 giai đoạn 2021 – 2025.

Trường Mầm non Tân Kiểng xây dựng Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 định hướng đến năm 2030 như sau:

I. Quan điểm

1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực; toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

2. Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số.

3. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các

cơ sở giáo dục và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

4. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Sự phát triển công nghệ là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số.

2. Mục tiêu đến năm 2025:

a. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi cá nhân giáo viên.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: trên 80% người học có đủ điều kiện (về phương diện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy – học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Hình thành một nền tảng tổ chức, quản lý hoạt động dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 80% người học sử dụng.

- + Hình thành kho học liệu, nền tảng quản lý và chia sẻ học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 100% nội dung chương trình giáo dục phổ thông. Nền tảng quản lý đáp ứng nhu cầu truy cập mọi lúc mọi nơi của người học và có thể cung cấp mở rộng các nội dung phát triển kỹ năng, năng lực cho người học.

b. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của nhà trường.

- Về quản trị nhà trường: áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu dùng chung và công nghệ số, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu toàn trường được hoàn thiện đảm bảo tiêu chí “sống, sạch, đủ”, đảm bảo cung cấp thông tin quản lý một cách thống nhất, đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia. 100% trẻ mầm non, giáo viên được quản lý bằng hồ sơ số với định danh duy nhất và thống nhất toàn quốc (Cơ sở dữ liệu toàn ngành).

+ Công tác quản lý nhà trường được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ Nhà trường tiến hành khảo sát sự hài lòng của cha mẹ học sinh đối với dịch vụ công trực tuyến bằng biểu mẫu Google Drive.

+ 100% Phụ huynh thanh toán học phí và các khoản thu khác bằng hình thức thanh toán điện tử không dùng tiền mặt.

- Về quản lý chăm sóc nuôi dưỡng

+ Thực hiện sổ sách bán trú và thu chi bằng phần mềm Bảo công nghệ.

- Về quản lý chăm sóc giáo dục

+ Ứng dụng các phần mềm dạy học thu hút trẻ như : active insprise, Kidsmart, Power Point,...Giúp trẻ phát triển tư duy và sáng tạo, tích cực tham gia vào các hoạt động cùng cô.

+ Soạn thảo và xây dựng kế hoạch giáo dục cho trẻ trên phần mềm Minjet Mindmanager.

- Về công tác tài chính:

+ Phần mềm Bảo hiểm xã hội: TS24

+ Phần mềm khai thuế: HTKK

+ Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp: IMAS

+ Phần mềm chữ ký số: Dịch vụ công KBNN

3. Mục tiêu đến năm 2030: Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục vào môi trường số, trong đó:

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường:

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây; cung cấp kết nối Internet có tốc độ và khả năng chịu tải cao đến tất cả các cơ sở giáo dục.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học:

a. Đổi mới mô hình dạy - học:

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy – học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục mầm non

b. Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung:

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình cho các nội dung chăm sóc giáo dục trẻ; kho học liệu được xây dựng theo một bộ tiêu chí cụ thể, đảm bảo chất lượng và đạt chuẩn. Nền tảng kết nối chia sẻ được thiết kế và phát triển trên những chuẩn kết nối quốc tế, đảm bảo khả năng tích hợp liên nền tảng, nâng cao khả năng chịu tải, năng lực đáp ứng truy cập của hệ thống.

c. Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến:

- Xây dựng hệ thống phục vụ công tác tổ chức các đợt khảo sát của các cấp quản lý và của các đơn vị với các tiêu chí: minh bạch, khách quan, chính xác, an toàn.

- Tích hợp các tính năng giúp nâng cao hiệu quả khảo sát như: định danh người dùng, giám sát hành vi người thực hiện khảo sát dựa trên AI, trình duyệt an toàn, phân tích kết quả khảo sát và báo cáo chi tiết.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục:

a. Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính:

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Tích cực giải quyết công việc trên Cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo:

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ công tác quản lý giáo dục tại trường; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục tại Sở Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu thành phố, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục, đưa ra các dự báo và xu hướng phát triển trong tương lai. Cập nhật hệ thống thông tin quản lý tại cơ sở giáo dục, triển khai hệ thống bản đồ số (GIS Giáo dục) trên Bản đồ nền do Sở Tài nguyên và Môi trường cung ứng tạo điều kiện tiếp cận, khai thác và sử dụng hiệu quả cho người dân khi tìm kiếm thông tin các cơ sở giáo dục.

c. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị tại cơ sở:

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu thành phố, cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục,

d. Xây dựng môi trường số kết nối:

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu thành phố, quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học:

a. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và phụ huynh trong ngành giáo dục và xã hội.

b. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn

quốc tế tại cơ sở có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng nhà giáo đảm bảo 100% giáo viên có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu..

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo:

a. Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin, các chuyên gia trong và ngoài nước để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

6. Triển khai, thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy chuyển đổi số tại Trường Mầm non Tân Kiểng:

a. Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của UBND quận, nhà trường tổ chức triển khai thực hiện các quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy - học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

b. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. Kinh phí thực hiện

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Kế hoạch.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

4. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

V. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ trong chương trình chuyển đổi số; trong đó, nhấn mạnh vai trò người đứng đầu của đơn vị. Ưu tiên bố trí các nguồn lực cho việc chuyển đổi số của đơn vị.

- Triển khai việc cập nhật dữ liệu của đơn vị đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo vào cơ sở dữ liệu.

2. Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu với Hiệu trưởng về các nội dung cũng như giải pháp thực hiện chuyển đổi số tại trường.

- Hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, phụ huynh, học sinh giải pháp thực hiện chuyển đổi số tại trường.

- Hỗ trợ nhân viên văn thư thực hiện báo cáo công tác chuyển đổi số.

3. Nhân viên văn thư

- Tham mưu với Hiệu trưởng về các nội dung cũng như giải pháp thực hiện chuyển đổi số tại trường.

- Nhân sự thực hiện nhiệm vụ chính trong chương trình chuyển đổi số tại đơn vị

- Cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, mã định danh của trẻ chính xác và đầy đủ

- Báo cáo việc thực hiện chuyển đổi số tại trường.

4. Giáo viên

- Tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- 100% giáo viên có đầy đủ hồ sơ tài khoản sử dụng để học bồi dưỡng thường xuyên.

Trên đây là Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Trường Mầm non Tân Kiểng giai đoạn 2022 – 2025 định hướng đến năm 2030, đề nghị CB, GV, NV tại đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- CBQL, GV; NV (để thực hiện)

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân
Nguyễn Thị Vân